

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA CUỐI KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

MÔN: CÔNG NGHỆ NÔNG NGHIỆP - PHÒNG: 25

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	11000004	Nguyễn Phạm Quỳnh Anh	13/12/2009	Nữ	11B12	
2	11000012	Nguyễn Duy Bảo	11/11/2009	Nam	11B12	
3	11000014	Nguyễn Gia Bảo	30/08/2009	Nam	11B11	
4	11000015	Nguyễn Hồng Bảo	26/06/2009	Nam	11B10	
5	11000017	Phan Thới Hoàng Bảo	31/08/2009	Nam	11B5	
6	11000019	Nguyễn Thị Ái Bình	16/09/2009	Nữ	11B10	
7	11000020	Nguyễn Thị Anh Bình	20/11/2009	Nữ	11B11	
8	11000021	Phạm Văn Ca	01/10/2009	Nam	11B7	
9	11000024	Nguyễn Đỗ Thanh Châu	20/03/2009	Nữ	11B7	
10	11000027	Bùi Thị Kim Chi	11/07/2009	Nữ	11B6	
11	11000029	Phạm Nguyễn Tùng Chi	27/03/2009	Nữ	11B7	
12	11000032	Hà Văn Chiến	01/01/2009	Nam	11B11	
13	11000033	Võ Trường Chinh	26/10/2009	Nam	11B7	
14	11000037	Võ Thành Công	10/06/2009	Nam	11B12	
15	11000038	Lê Văn Danh	18/09/2009	Nam	11B6	
16	11000040	Nguyễn Thành Danh	08/05/2009	Nam	11B11	
17	11000041	Lê Ngọc Diễm	30/09/2009	Nữ	11B7	
18	11000043	Trương Lê Phương Diễm	25/07/2008	Nữ	11B7	
19	11000045	Nguyễn Thị Xuân Diệu	20/12/2009	Nữ	11B5	

Đông Sơn, ngày 27 tháng 12 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA CUỐI KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

MÔN: CÔNG NGHỆ NÔNG NGHIỆP - PHÒNG: 26

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	11000046	Võ Nguyễn Lâm Doãn	21/12/2009	Nam	11B7	
2	11000048	Nguyễn Tiến Dũng	22/06/2009	Nam	11B12	
3	11000052	Hồ Thị Thảo Duyên	06/07/2009	Nữ	11B11	
4	11000053	Lê Thị Mỹ Duyên	25/01/2009	Nữ	11B10	
5	11000057	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	17/07/2009	Nữ	11B10	
6	11000062	Trần Nguyễn Bảo Đại	29/09/2009	Nam	11B11	
7	11000064	Huỳnh Khánh Đan	07/05/2009	Nam	11B11	
8	11000067	Đặng Xuân Đạt	11/07/2009	Nam	11B6	
9	11000068	Nguyễn Tấn Đạt	14/07/2009	Nam	11B7	
10	11000069	Phan Văn Đạt	19/10/2009	Nam	11B10	
11	11000072	Nguyễn Minh Đức	08/01/2009	Nam	11B11	
12	11000073	Võ Hoàng Gia	27/11/2009	Nam	11B11	
13	11000074	Dương Nguyễn Hương Giang	30/05/2009	Nữ	11B6	
14	11000075	Lê Thị Kim Ha	25/05/2009	Nữ	11B11	
15	11000077	Nguyễn Thị Ngọc Hà	23/09/2009	Nữ	11B12	
16	11000078	Trần Võ Như Hà	15/07/2009	Nữ	11B12	
17	11000079	Võ Thị Thu Hà	31/01/2009	Nữ	11B10	
18	11000082	Phạm Minh Hải	29/07/2009	Nam	11B12	
19	11000083	Phạm Trung Hải	22/06/2009	Nam	11B12	
20	11000086	Trần Thị Mỹ Hào	08/12/2009	Nữ	11B10	
21	11000088	Trịnh Thị Thúy Hằng	19/03/2008	Nữ	11B12	
22	11000090	Nguyễn Phạm Bảo Hân	12/01/2009	Nữ	11B6	
23	11000091	Nguyễn Thị Gia Hân	17/11/2009	Nữ	11B10	
24	11000103	Nguyễn Thị Hoa	12/09/2009	Nữ	11B6	

Đông Sơn, ngày 27 tháng 12 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA CUỐI KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

MÔN: CÔNG NGHỆ NÔNG NGHIỆP - PHÒNG: 27

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	11000110	Phạm Tấn Huy	10/12/2009	Nam	11B10	
2	11000111	Phan Chí Huy	01/09/2009	Nam	11B11	
3	11000114	Tiêu Viết Huy	23/03/2009	Nam	11B6	
4	11000115	Võ Khắc Huy	08/07/2009	Nam	11B12	
5	11000116	Hồ Thị Ngọc Huyền	30/06/2009	Nữ	11B12	
6	11000119	Dương Gia Hưng	22/06/2008	Nam	11B5	
7	11000120	Lê Nguyễn Văn Hưng	22/02/2009	Nam	11B7	
8	11000123	Trịnh Văn Hữu	12/01/2008	Nam	11B6	
9	11000128	Lê Quang Khang	30/12/2009	Nam	11B5	
10	11000129	Nguyễn Hoàng Khang	03/06/2009	Nam	11B11	
11	11000134	Huỳnh Nguyễn Duy Khánh	15/06/2009	Nam	11B11	
12	11000135	Huỳnh Xuân Khánh	23/01/2009	Nữ	11B11	
13	11000136	Nguyễn Hiều Khánh	19/12/2009	Nữ	11B6	
14	11000137	Trần Quốc Khánh	03/10/2009	Nam	11B11	
15	11000140	Đỗ Đăng Khoa	18/04/2009	Nam	11B12	
16	11000142	Nguyễn Cao Khoa	17/03/2009	Nam	11B5	
17	11000145	Võ Anh Khoa	17/03/2009	Nữ	11B7	
18	11000147	Phạm Ngọc Khuê	13/07/2009	Nữ	11B10	
19	11000148	Võ Minh Khuê	28/08/2009	Nữ	11B11	
20	11000151	Nguyễn Thị Hiếu Kiên	08/05/2009	Nữ	11B6	
21	11000154	Đỗ Phan Kiệt	25/12/2009	Nam	11B5	
22	11000155	Nguyễn Gia Kiệt	17/11/2009	Nam	11B10	
23	11000160	Nguyễn Bá Kỳ	18/09/2009	Nam	11B12	
24	11000164	Phan Thị Kim Liên	31/05/2009	Nữ	11B11	

Đông Sơn, ngày 27 tháng 12 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA CUỐI KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

MÔN: CÔNG NGHỆ NÔNG NGHIỆP - PHÒNG: 28

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	11000165	Phan Thúy Liễu	02/11/2009	Nữ	11B11	
2	11000166	Phan Thị Diệu Linh	01/11/2009	Nữ	11B10	
3	11000168	Trương Dương Thùy Linh	30/08/2009	Nữ	11B5	
4	11000177	Đàm Thị Khánh Ly	03/11/2009	Nữ	11B6	
5	11000178	Nguyễn Gia Ly	11/12/2009	Nữ	11B12	
6	11000179	Trần Thị Kim Ly	24/04/2008	Nữ	11B7	
7	11000181	Võ Huỳnh Khánh Ly	19/07/2009	Nữ	11B10	
8	11000183	Võ Thị Cẩm Ly	20/12/2009	Nữ	11B5	
9	11000184	Nguyễn Duy Mạnh	08/06/2009	Nam	11B12	
10	11000185	Nguyễn Duy Mạnh	10/04/2009	Nam	11B11	
11	11000189	Phạm Ngọc Minh	06/08/2009	Nam	11B7	
12	11000191	Nguyễn Thị Diễm My	30/03/2009	Nữ	11B12	
13	11000193	Võ Nguyễn Tường My	14/10/2009	Nữ	11B7	
14	11000194	Võ Vy Hà My	09/06/2009	Nữ	11B7	
15	11000197	Nguyễn Thị Ly Na	24/06/2009	Nữ	11B7	
16	11000198	Nguyễn Thị Ly Na	04/02/2009	Nữ	11B11	
17	11000199	Võ Thị Mi Na	17/05/2009	Nữ	11B6	
18	11000201	Trần Thúy Nga	07/07/2009	Nữ	11B11	
19	11000203	Phạm Nguyễn Thanh Nga	31/10/2009	Nữ	11B5	
20	11000204	Đinh Ngọc Ngân	11/11/2009	Nữ	11B5	
21	11000205	Hồ Thị Thuý Ngân	10/08/2009	Nữ	11B5	
22	11000206	Ngô Phạm Kim Ngân	01/10/2009	Nữ	11B11	
23	11000207	Nguyễn Duy Ngân	29/03/2009	Nam	11B10	
24	11000208	Nguyễn Thị Kim Ngân	14/11/2009	Nữ	11B7	

Đông Sơn, ngày 27 tháng 12 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA CUỐI KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

MÔN: CÔNG NGHỆ NÔNG NGHIỆP - PHÒNG: 29

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	11000209	Nguyễn Thị Thu Ngân	08/02/2009	Nữ	11B6	
2	11000210	Nguyễn Thị Thúy Ngân	01/09/2009	Nữ	11B11	
3	11000214	Võ Thị Tuyết Ngân	18/06/2009	Nữ	11B6	
4	11000215	Trần Tuyết Nghi	25/07/2009	Nữ	11B10	
5	11000216	Võ Phạm Phương Nghi	25/08/2009	Nữ	11B12	
6	11000217	Võ Thị Thúy Nghi	16/09/2009	Nữ	11B12	
7	11000220	Huỳnh Đào Như Ngọc	16/03/2009	Nữ	11B10	
8	11000222	Lý Ngô Bảo Ngọc	26/09/2009	Nữ	11B7	
9	11000224	Nguyễn Tiến Ngọc	23/08/2009	Nam	11B5	
10	11000225	Phan Thị Thúy Ngọc	24/08/2009	Nữ	11B11	
11	11000227	Phù Thị Ngọc	13/03/2009	Nữ	11B7	
12	11000228	Trịnh Yến Ngọc	25/10/2009	Nữ	11B11	
13	11000233	Võ Trịnh Như Nguyệt	04/01/2009	Nữ	11B6	
14	11000235	Nguyễn Thị Thanh Nhân	06/01/2009	Nữ	11B7	
15	11000240	Phạm Đỗ Hoài Nhất	20/04/2009	Nam	11B11	
16	11000242	Phan Văn Quang Nhật	28/06/2009	Nam	11B5	
17	11000243	Cao Nguyễn Tú Nhi	30/04/2008	Nữ	11B6	
18	11000244	Đinh Thị Hồng Nhi	28/07/2008	Nữ	11B11	
19	11000247	Hồ Thị Bảo Nhi	04/07/2009	Nữ	11B10	
20	11000250	Mai Phạm Yến Nhi	10/08/2009	Nữ	11B6	
21	11000251	Nguyễn Hồng Yến Nhi	05/11/2009	Nữ	11B5	
22	11000252	Nguyễn Thị Yến Nhi	18/09/2009	Nữ	11B6	
23	11000253	Phạm Thị Yến Nhi	21/04/2009	Nữ	11B11	
24	11000254	Tạ Thị Ái Nhi	12/10/2009	Nữ	11B10	

Đông Sơn, ngày 27 tháng 12 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA CUỐI KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

MÔN: CÔNG NGHỆ NÔNG NGHIỆP - PHÒNG: 30

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	11000255	Trần Yến Nhi	09/11/2009	Nữ	11B7	
2	11000258	Tiêu Thị Hồng Nhiên	14/06/2009	Nữ	11B10	
3	11000260	Nguyễn Thị Kiều Nhung	09/05/2009	Nữ	11B5	
4	11000261	Nguyễn Thị Thúy Nhung	08/05/2009	Nữ	11B6	
5	11000262	Trương Thị Yến Nhung	04/02/2009	Nữ	11B5	
6	11000264	Đoàn Thị Huỳnh Như	01/06/2009	Nữ	11B11	
7	11000265	Nguyễn Thị Quỳnh Như	26/09/2009	Nữ	11B6	
8	11000266	Nguyễn Thị Tịnh Như	17/12/2009	Nữ	11B7	
9	11000267	Phạm Thị Quỳnh Như	21/08/2009	Nữ	11B5	
10	11000268	Phan Thị Quỳnh Như	26/05/2009	Nữ	11B7	
11	11000270	Nguyễn Thúy Ni	25/04/2009	Nữ	11B7	
12	11000274	Nguyễn Thị Xuân Nữ	03/01/2009	Nữ	11B12	
13	11000276	Nguyễn Thị Mỹ Nương	09/05/2009	Nữ	11B5	
14	11000279	Võ Thị Hoài Ny	20/04/2009	Nữ	11B7	
15	11000280	Nguyễn Thị Phương Oanh	03/02/2009	Nữ	11B12	
16	11000283	Nguyễn Trần Minh Phát	23/03/2009	Nam	11B5	
17	11000287	Đỗ Duy Phin	10/10/2009	Nam	11B11	
18	11000288	Cù Chí Phong	02/08/2009	Nam	11B7	
19	11000290	Nguyễn Vũ Phong	27/04/2009	Nam	11B11	
20	11000292	Phạm Đình Hoàng Phong	02/04/2009	Nam	11B12	
21	11000293	Đàm Việt Phú	12/09/2009	Nam	11B10	
22	11000295	Trần Lê Phú	03/01/2009	Nam	11B10	
23	11000297	Nguyễn Hoàng Phúc	03/03/2009	Nam	11B12	
24	11000300	Nguyễn Hữu Phước	19/08/2009	Nam	11B12	

Đông Sơn, ngày 27 tháng 12 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA CUỐI KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

MÔN: CÔNG NGHỆ NÔNG NGHIỆP - PHÒNG: 31

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	11000306	Nguyễn Thị Hoàng Phương	03/02/2009	Nữ	11B12	
2	11000307	Nguyễn Nguyễn Như Phượng	18/12/2009	Nữ	11B7	
3	11000309	Nguyễn Thị Phước Quý	26/08/2009	Nữ	11B10	
4	11000311	Phạm Thị Nguyễn Quyên	17/12/2009	Nữ	11B5	
5	11000313	Tiêu Thị Thảo Quyên	08/04/2009	Nữ	11B5	
6	11000314	Trương Thị Quyên	02/03/2009	Nữ	11B12	
7	11000315	Võ Hồng Quyên	08/05/2009	Nam	11B12	
8	11000316	Nguyễn Văn Quyên	01/04/2009	Nam	11B5	
9	11000317	Mai Nguyễn Xuân Quyết	17/11/2009	Nam	11B6	
10	11000319	Cao Thị Như Quỳnh	02/11/2009	Nữ	11B11	
11	11000320	Đinh Thị Như Quỳnh	17/07/2009	Nữ	11B6	
12	11000321	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	05/03/2009	Nữ	11B6	
13	11000323	Trần Như Quỳnh	28/10/2008	Nữ	11B7	
14	11000324	Trần Võ Như Quỳnh	13/05/2009	Nữ	11B6	
15	11000325	Đặng Tấn Rìn	20/10/2009	Nam	11B10	
16	11000326	Dương Tấn Sang	15/01/2009	Nam	11B11	
17	11000329	Trương Nhật Sinh	14/03/2009	Nam	11B6	
18	11000330	Nguyễn Ngọc Sơn	12/03/2009	Nam	11B12	
19	11000331	Trương Công Hoàng Sơn	09/09/2009	Nam	11B12	
20	11000332	Bùi Hữu Minh Tâm	26/08/2008	Nam	11B6	
21	11000333	Nguyễn Thị Hồng Tâm	12/05/2009	Nữ	11B6	
22	11000336	Huỳnh Ngọc Thạch	27/04/2009	Nam	11B12	
23	11000338	Võ Lâm Thái	09/07/2009	Nam	11B10	
24	11000339	Nguyễn Duy Thanh	25/03/2009	Nam	11B5	

Đông Sơn, ngày 27 tháng 12 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA CUỐI KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

MÔN: CÔNG NGHỆ NÔNG NGHIỆP - PHÒNG: 32

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	11000341	Bùi Thanh Thảo	26/05/2009	Nữ	11B5	
2	11000343	Bùi Thị Thu Thảo	09/07/2009	Nữ	11B11	
3	11000344	Huỳnh Thị Kim Thảo	22/10/2009	Nữ	11B10	
4	11000345	Nguyễn Ngọc Thảo	21/08/2009	Nữ	11B10	
5	11000346	Nguyễn Thị Thu Thảo	04/07/2009	Nữ	11B11	
6	11000347	Phạm Thị Thanh Thảo	01/03/2009	Nữ	11B7	
7	11000357	Nguyễn Phúc Thịnh	31/10/2009	Nam	11B12	
8	11000359	Nguyễn Thành Thịnh	28/05/2009	Nam	11B5	
9	11000360	Nguyễn Tuấn Thịnh	16/05/2009	Nam	11B12	
10	11000361	Bùi Kim Thoa	27/12/2009	Nữ	11B7	
11	11000362	Nguyễn Thái Thông	21/02/2009	Nam	11B10	
12	11000364	Nguyễn Thị Thủy	03/12/2009	Nữ	11B6	
13	11000365	Võ Thị Thu Thủy	01/07/2009	Nữ	11B5	
14	11000367	Trương Thị Phương Thúy	01/05/2009	Nữ	11B10	
15	11000368	Lê Thị Thuyền	25/08/2009	Nữ	11B11	
16	11000369	Bùi Nguyễn Khánh Thu	09/08/2009	Nữ	11B11	
17	11000370	Bùi Võ Quý Thu	03/12/2009	Nữ	11B10	
18	11000371	Lê Anh Thu	04/07/2009	Nữ	11B10	
19	11000372	Nguyễn Anh Thu	29/11/2009	Nữ	11B11	
20	11000374	Nguyễn Ngọc Anh Thu	12/07/2009	Nữ	11B7	
21	11000375	Nguyễn Ngọc Anh Thu	26/12/2009	Nữ	11B6	
22	11000376	Nguyễn Phan Anh Thu	29/09/2009	Nữ	11B7	
23	11000378	Nguyễn Thị Anh Thu	18/12/2009	Nữ	11B10	
24	11000379	Nguyễn Thị Hoài Thu	16/08/2009	Nữ	11B6	

Đông Sơn, ngày 27 tháng 12 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA CUỐI KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

MÔN: CÔNG NGHỆ NÔNG NGHIỆP - PHÒNG: 33

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	11000380	Nguyễn Thị Minh Thư	16/08/2009	Nữ	11B6	
2	11000381	Phạm Thị Anh Thư	08/12/2009	Nữ	11B6	
3	11000384	Nguyễn Thanh Thức	23/01/2009	Nam	11B10	
4	11000385	Ngô Thị Hoài Thương	27/05/2009	Nữ	11B7	
5	11000388	Nguyễn Bảo Thy	15/06/2009	Nữ	11B5	
6	11000390	Nguyễn Huỳnh Hải Thy	21/09/2009	Nữ	11B7	
7	11000391	Huỳnh Đỗ Thủy Tiên	07/01/2009	Nữ	11B5	
8	11000395	Võ Thị Kim Tiền	19/03/2009	Nữ	11B10	
9	11000400	Thiều Hữu Bảo Toàn	03/11/2009	Nam	11B7	
10	11000408	Lê Đặng Thùy Trâm	03/03/2009	Nữ	11B10	
11	11000411	Phạm Thị Mai Trâm	02/05/2009	Nữ	11B7	
12	11000412	Tiêu Bảo Trâm	19/05/2009	Nữ	11B11	
13	11000416	Phan Văn Triết	23/12/2009	Nam	11B6	
14	11000417	Nguyễn Ngọc Bảo Trinh	28/02/2009	Nữ	11B10	
15	11000419	Phạm Trương Trinh	20/11/2009	Nữ	11B10	
16	11000422	Trương Quang Trọng	10/12/2009	Nam	11B12	
17	11000424	Lê Thị Minh Trúc	21/04/2009	Nữ	11B5	
18	11000426	Nguyễn Chí Trung	15/06/2009	Nam	11B10	
19	11000430	Nguyễn Thanh Đan Trường	16/08/2008	Nam	11B11	
20	11000438	Nguyễn Thanh Tuấn	07/04/2009	Nam	11B10	
21	11000439	Phạm Quốc Tuấn	16/10/2009	Nam	11B6	
22	11000442	Nguyễn Văn Tuyền	07/07/2009	Nam	11B5	
23	11000443	Đỗ Phạm Ánh Tuyết	25/10/2009	Nữ	11B11	
24	11000444	Nguyễn Thị Tuyết	10/07/2009	Nữ	11B5	

Đông Sơn, ngày 27 tháng 12 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm

DANH SÁCH HỌC SINH - KIỂM TRA CUỐI KỲ 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026

MÔN: CÔNG NGHỆ NÔNG NGHIỆP - PHÒNG: 34

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	11000446	Bùi Ngọc Phương Uyên	18/10/2009	Nữ	11B11	
2	11000447	Phạm Khả Uyên	26/07/2009	Nữ	11B6	
3	11000450	Bùi Thị Thanh Vi	20/06/2009	Nữ	11B12	
4	11000452	Phạm Vương Vĩ	16/05/2009	Nam	11B5	
5	11000454	Hồ Võ Anh Việt	10/01/2009	Nam	11B5	
6	11000455	Nguyễn Duy Việt	01/09/2009	Nam	11B10	
7	11000457	Đỗ Hữu Vin	17/09/2009	Nam	11B10	
8	11000459	Bùi Anh Võ	07/09/2008	Nam	11B5	
9	11000460	Dương Thế Vũ	01/10/2009	Nam	11B10	
10	11000461	Đỗ Ngọc Vũ	20/10/2009	Nam	11B10	
11	11000462	Phạm Hoàng Vũ	16/04/2009	Nam	11B11	
12	11000464	Lê Quang Vương	08/02/2009	Nam	11B5	
13	11000466	Trương Thanh Vương	17/10/2009	Nam	11B6	
14	11000467	Đặng Thị Nhật Vy	26/10/2009	Nữ	11B10	
15	11000470	Lê Thị Kim Xuân	27/08/2009	Nữ	11B10	
16	11000473	Đỗ Như Ý	05/02/2009	Nữ	11B12	
17	11000475	Phạm Thị Yên	08/04/2009	Nữ	11B5	
18	11000477	Mai Bảo Yến	17/12/2009	Nữ	11B11	
19	11000478	Nguyễn Hoàng Kim Yến	29/04/2009	Nữ	11B10	
20	11000479	Nguyễn Thị Phi Yến	04/02/2009	Nữ	11B10	
21	11000480	Trần Thị Hải Yến	17/06/2009	Nữ	11B6	
22	11000481	Võ Thị Bảo Yến	08/10/2009	Nữ	11B5	
23	11000482	Võ Thị Bảo Yến	08/09/2009	Nữ	11B7	
24	11000483	Võ Thị Kim Yến	16/07/2009	Nữ	11B11	

Đông Sơn, ngày 27 tháng 12 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Ngọc Lâm